

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 163/2026/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 8 - 2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Nga

Bà Trương Thị An

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 12/8/1995; căn cước công dân số: 034195015882 địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn K, sinh ngày 02/10/1987; căn cước công dân số: 031087005534; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A (nay là Ủy ban nhân dân xã A), thành phố Hải Phòng vào ngày 04/3/2019. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm, mâu thuẫn phát sinh từ giữa năm 2021 do bất đồng quan điểm lối sống, không có sự chia sẻ, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh K thường xuyên chơi

bời, cò bạc dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh K không thay đổi. Đến cuối năm 2024, chị D cùng con đã đi thuê trọ ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K. Về con chung: Chị D và anh Trần Văn K có 01 con chung là Trần Phương T, sinh ngày 01/01/2020. Hiện đang do chị D nuôi dưỡng. Ly hôn, chị Nguyễn Thị D nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh chị tự thỏa thuận giao nhận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn K đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa họp lệ nhiều lần nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai, anh K vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Văn K. Về con chung: Đề nghị hội đồng xét xử giao cháu Trần Phương T, sinh ngày 01/01/2020 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn K. Bị đơn anh Trần Văn K có nơi cư trú tại thôn Đ, xã A, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Văn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do, đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn K kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A (nay là Ủy ban nhân dân xã A), thành phố Hải Phòng vào ngày 04/3/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn K hòa thuận một thời gian sau phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2021 do bất đồng quan điểm lối sống, không có sự chia sẻ, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh K thường xuyên chơi bời, cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến cuối năm 2024, chị D cùng con đã đi thuê trọ ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị D xin ly hôn với anh Trần Văn K phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn K có 01 con chung là Trần Phương T, sinh ngày 01/01/2020. Ly hôn, chị D đề nghị giao cháu Trần Phương T, sinh ngày 01/01/2020 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung, chị D có công việc thu nhập ổn định. Hiện tại, cháu T đang sống với mẹ được chăm sóc tốt. Nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Phương T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Phương T, sinh ngày 01/01/2020 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chị Nguyễn Thị D đã nộp theo Biên lai số 32 ngày 25/3/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND xã An Trường, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh

